

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 5 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Văn Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bảy. Nghề nghiệp: Cán bộ.

Nơi công tác: Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị Chiêu. Nghề nghiệp: giáo viên nghỉ hưu.

Nơi cư trú: Thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1991; có mặt.

ĐKHKTT: Cụm 6, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số 76, ngõ 2, phường N, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1991; có mặt.

Địa chỉ và nơi ĐKHKTT: Cụm 6, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Thu H trình bày: Chị và anh Lê Đức T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/12/2014.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi lô đề, bi-a, đi sớm về muộn. Ngoài ra, trong cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, không cùng quan điểm dẫn tới cuộc sống hôn nhân bế tắc. Anh T nghi ngờ chị có mối quan hệ khác,

nhiều lần đánh và đe dọa giết chị nên chị đã ly thân anh T từ tháng 01/2020 đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh Lê Đức T có 01 con chung là cháu Lê Kim Đ, sinh ngày 01/7/2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cháu Lê Kim Đ và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về thu nhập của chị mỗi tháng được khoảng 10.000.000 đồng, chị có đủ điều kiện về vật chất và chỗ ăn ở để nuôi con. Hơn nữa, cháu Đ là con gái nên chị hiểu tâm sinh lý của cháu hơn là anh T.

Tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, về nợ: Không có.

- Theo bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn anh Lê Đức T trình bày: Anh công nhận thời gian kết hôn và chung sống như chị Lê Thị Thu H trình bày. Anh và chị H chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh làm nghề lái xe nên phải đi sớm về khuya, khi về nhà chị H chưa có trách nhiệm với gia đình nên thường xảy ra cãi vã nhau. Ngày 01/01/2020 anh thấy chị H nhắn tin gọi điện với người đàn ông khác nên anh có khuyên chị H không sử dụng điện thoại vào ban đêm nữa nhưng chị H không tiếp thu, anh có bức tức ném chiếc điện thoại của chị H. Đến ngày 22/01/2020 chị H tự ý đem con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Sau đó, anh có vào quê ngoại để thăm con và khuyên chị H về để vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc con nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H xin ly hôn, anh có nguyện vọng đoàn tụ, nếu chị H vẫn kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Lê Kim Đ, sinh ngày 01/07/2016. Khi ly hôn anh có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Hàng tháng anh thu nhập được 12.000.000 đồng và đang ở nhà bố mẹ đẻ nên có đủ điều kiện về vật chất và chỗ ở để nuôi con.

Tài sản chung, công sức với hai bên gia đình, về nợ: Không có.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh Lê Đức T, xin nuôi cháu Lê Kim Đ và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Đức T có nguyện vọng xin đoàn tụ, nếu chị H kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H. Anh T xin nuôi cháu Lê Kim Đ và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án thực hiện đúng qui định Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giữ chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh T. Giao cho chị H nuôi cháu Lê Kim Đ; chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Về tài sản chung, công sức, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Lê Đức T có địa chỉ tại Cụm 6, xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, theo qui định của pháp luật thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo qui định để giải quyết vụ án, tuy nhiên giữa chị H và anh T hai bên không thống nhất về việc ly hôn và việc nuôi con chung. Vì vậy, căn cứ vào Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/12/2014 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh T chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do giữa chị H và anh T không có tiếng nói chung, cũng như sự hòa hợp trong cuộc sống vợ chồng. Anh T chưa làm tròn trách nhiệm với gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng đối với anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được và kiên quyết xin ly hôn. Anh T cũng xác định trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, nếu chị H kiên quyết xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Xét thấy, trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị H và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích quan hệ hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Xác định chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T có 01 con chung là cháu Lê Kim Đ, sinh ngày 01/07/2016. Khi vợ chồng ly thân thì cháu Lê Kim Đ do chị H nuôi, tuy nhiên từ ngày 01/3/2020 anh T tự ý đón cháu Lê Kim Đ về nuôi mà không có sự trao đổi, thống nhất với chị H.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh thì thấy rằng cả hai bên đều có các điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, cháu Lê Kim Đ là con gái hiện còn nhỏ tuổi nên cần có sự chăm sóc của người mẹ. Việc chị H nuôi con sẽ đảm bảo hơn, tạo điều kiện tốt cho việc phát triển của cháu Lê Kim Đ. Vì vậy, cần giao cháu Lê Kim Đ cho chị H nuôi là phù hợp với các quy định tại các Điều 81, 82 của Luật hôn nhân gia đình. Chị H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Tài sản chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T xác định không có tài sản, công sức và nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lê Thị Thu H.

Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T có 01 con chung là cháu Lê Kim Đ, sinh ngày 01/07/2016. Giao cháu Lê Kim Đ cho chị Lê Thị Thu H nuôi cho đến khi cháu Lê Kim Đ đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Chị Lê Thị Thu H không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Đức T, cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Lê Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, công sức và nợ: Chị Lê Thị Thu H và anh Lê Đức T xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị Thu H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014312 ngày 07 tháng 2 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

T hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
 - VKSND huyện Đan Phượng;
 - Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
 - UBND xã T, huyện Đan Phượng,
- Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Văn Tuyến

